

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lê Thúy Phượng**

Các Thẩm phán:

Ông Nguyễn Tuấn Long

Ông Trần Văn Đông

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Ngọc Ánh** – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa:

Ông Nguyễn Văn Nhơn – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 6 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 64/2018/TLPT-HS ngày 18 tháng 4 năm 2018 đối với các bị cáo Tổng Ngọc A và Võ Hoàng Nhất B do có kháng cáo của bị cáo Võ Hoàng Nhất B và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 61/2018/HS-ST ngày 13 tháng 3 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Khánh Hòa.

- Bị cáo có kháng cáo và bị kháng nghị:

1/ **Tổng Ngọc A** – Sinh năm 1995. Trú tại: 404/8 đường A1, phường A2, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 08/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên Chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông Tổng Văn A3 và bà Nguyễn Thị A4; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

2/ **Võ Hoàng Nhất B** – Sinh năm 1990. Nơi ĐKKHKT: 37 đường B2, phường B3, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa; chỗ ở hiện nay: 97B đường B4, xã B5, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Thái B6 và bà Đinh Thị Thu B7; có vợ là Nguyễn Trần B8; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ ngày 24/5/2017, sau khi nhậu xong tại nhà bạn tại khu vực Đồng Muối 1, thành phố C. Nguyễn Hữu E cùng với Tống Ngọc A đi về thì phát hiện 01 xe máy hiệu Attila biển kiểm soát 79L7-8138 của chị Nguyễn Thị Nguyệt G dựng trước nhà số 326/29 đường A1, phường A2, thành phố C không có người trông coi. E thống nhất với A là sẽ lấy trộm chiếc xe máy này. A đứng canh giới để E lại gần chiếc xe máy dùng đoản phá khóa, tháo mặt nạ trước ra và đấu lại dây điện để khởi động máy xe. Sau đó, E điều khiển xe máy trộm được cùng A đến khu vực H bán cho Võ Hoàng Nhất B với giá 2.500.000đ. E chia cho A 500.000đ và cả hai đã tiêu xài hết. Võ Hoàng Nhất B khi mua xe máy trên, thấy ổ khóa bị phá, mặt nạ phía trước bị tháo. E nói cho B biết là xe trộm cắp ở khu vực K. B biết rõ là xe do trộm cắp mà có nhưng do ham rẻ nên đồng ý mua. Sau đó, B tháo xe ra để bán phụ tùng.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 180/TC-KH ngày 20/6/2017 của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự Ủy ban nhân dân thành phố C xác định: 01 xe máy hiệu Attila biển kiểm soát 79L7-8138 trị giá: 3.440.000đ.

Tại Bản án số 61/2018/HS-ST ngày 13 tháng 3 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Khánh Hòa quyết định:

Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm b, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999. Xử phạt bị cáo Tống Ngọc A 09 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”. Thời gian tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

Áp dụng khoản 1 Điều 250; điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999. Xử phạt bị cáo Võ Hoàng Nhất B 06 tháng tù về tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”. Thời gian tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

Ngoài ra bản án còn quyết định về trách nhiệm dân sự, án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 16/3/2018, bị cáo Võ Hoàng Nhất B kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét cho bị cáo hưởng án treo.

Tại Quyết định kháng nghị phúc thẩm 405/QĐ-VKS-P7 ngày 06/4/2018 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa kháng nghị Bản án số 61/2018/HS-ST ngày 13 tháng 3 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố C, với nội dung: Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa áp dụng theo điểm g khoản 1 Điều 46, Điều 47 và Điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999 (điểm h khoản 1 Điều 51, Điều

54, Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015), giảm nhẹ mức hình phạt và tuyên phạt tù nhưng cho hưởng án treo đối với các bị cáo.

Tại phiên tòa, bị cáo Võ Hoàng Nhất B giữ nguyên nội dung kháng cáo; đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa giữ nguyên nội dung kháng nghị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Kháng cáo của bị cáo Võ Hoàng Nhất B và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa còn trong thời hạn luật định, nên xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung: Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo vẫn khai nhận hành vi phạm tội; lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, thể hiện: Khoảng 14 giờ ngày 24/5/2017, bị cáo Tống Ngọc A đã có hành vi cảnh giới để Nguyễn Hữu E dùng đoản phá khóa lấy trộm xe máy hiệu Attila biển kiểm soát 79L7-8138 của chị Nguyễn Thị Nguyệt G dựng trước nhà số 326/29 đường A1, phường A2, thành phố C. Sau đó, E mang xe bán cho Võ Hoàng Nhất B với giá 2.500.000 đồng, khi bán E có nói cho B biết là xe trộm cắp ở khu vực K. Theo kết luận định giá, chiếc xe máy hiệu Attila biển kiểm soát 79L7-8138 trị giá: 3.440.000 đồng.

Hành vi của bị cáo Tống Ngọc A đứng cảnh giới cho đồng phạm khác thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác (xe máy Attila trị giá: 3.440.000 đồng) đã đủ dấu hiệu cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*”; hành vi của bị cáo Võ Hoàng Nhất B biết rõ xe do người khác trộm cắp mà có nhưng vẫn mua đã đủ dấu hiệu cấu thành tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”. Vì vậy, cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Tống Ngọc A về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo Khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 và bị cáo Võ Hoàng Nhất B về tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*” theo Khoản 1 Điều 250 Bộ luật hình sự năm 1999 là có căn cứ và đúng pháp luật.

Xét thấy hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp của công dân mà còn gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an xã hội.

[3] Xét kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo Võ Hoàng Nhất B và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa đề nghị giảm hình phạt và cho hưởng án treo đối với hai bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy:

Trong vụ án này, tính chất hành vi phạm tội của bị cáo Tổng Ngọc A ít nghiêm trọng, phạm tội với vai trò là người giúp sức có nhiệm vụ cảnh giới; tài sản bị chiếm đoạt có giá trị không lớn đã được thu hồi trả lại cho người bị hại, bị cáo A cũng bồi thường cho người bị hại. Bị cáo Võ Hoàng Nhất B vì tư lợi mà đã mua tài sản phạm pháp (giá trị tài sản không lớn). Nhưng khi xét xử cấp sơ thẩm chưa xem xét và áp dụng tình tiết giảm nhẹ “*gây thiệt hại không lớn*” đối với các bị cáo. Bị cáo B có hoàn cảnh gia đình khó khăn, cha bị cáo bị bệnh lao phổi và em gái bị bệnh tâm thần, bị cáo là lao động chính trong gia đình; các bị cáo chưa có tiền án, tiền sự; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; khai báo thành khẩn, người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt đối với các bị cáo. Nhưng mức án mà cấp sơ thẩm xử phạt đối với bị cáo Tổng Ngọc A là có phần nghiêm khắc, nên giảm nhẹ một phần hình phạt đối với bị cáo A.

Mặt khác, các bị cáo có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên có đủ điều kiện được hưởng án treo và không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội cũng đủ tác dụng răn đe giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội. Vì vậy, có cơ sở để chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa và kháng cáo của bị cáo Võ Hoàng Nhất B.

[4] Về án phí: Các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ điểm b Khoản 1 Điều 355; điểm c, e Khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa và kháng cáo của bị cáo Võ Hoàng Nhất B; sửa bản án sơ thẩm.

Áp dụng khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm b, h, p, g Khoản 1, Khoản 2 Điều 46; Điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999 đối với bị cáo Tổng Ngọc A;

Xử phạt: Bị cáo Tổng Ngọc A 06 (*sáu*) tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “*Trộm cắp tài sản*”. Thời gian thử thách là 01 (*một*) năm, tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Tổng Ngọc A cho UBND phường A2, thành phố C giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 250; điểm h, p, g Khoản 1, Khoản 2 Điều 46; Điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999 đối với bị cáo Võ Hoàng Nhất B;

Xử phạt: Bị cáo Võ Hoàng Nhất B 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”. Thời gian thử thách là 01(một) năm, tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Võ Hoàng Nhất B cho UBND xã B5, thành phố C giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

2. Về án phí: Các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- Sở Tư pháp tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND TP. C;
- TAND TP. C;
- Công an TP. C;
- Chi cục THADS TP. C;
- Bị cáo; Lưu HS

Lê Thúy Phượng